

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	M số	T.m	30/06/14	31/12/13
A. Tài sản ngắn hạn (100=110+120+130+140+150)	100		212,490,005,535	108,875,853,755
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	<i>110</i>		<i>107,808,916,339</i>	<i>58,979,252,792</i>
<i>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	<i>120</i>		<i>-</i>	<i>9,000,000,000</i>
<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	<i>130</i>		<i>77,501,731,858</i>	<i>32,800,246,606</i>
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	<i>140</i>		<i>13,272,579,762</i>	<i>1,994,103,651</i>
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	<i>150</i>		<i>13,906,777,576</i>	<i>6,102,250,706</i>
B. Tài sản dài hạn (200=210+220+240+250+260)	200		386,592,030,244	293,458,628,620
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	<i>210</i>			
<i>II. Tài sản cố định</i>	<i>220</i>		<i>372,278,698,142</i>	<i>282,313,386,181</i>
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	<i>240</i>	<i>V.08</i>		
<i>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</i>	<i>250</i>		<i>11,004,071,500</i>	<i>11,004,071,500</i>
<i>V. Tài sản dài hạn khác</i>	<i>260</i>		<i>3,309,260,602</i>	<i>141,170,939</i>
Tổng cộng tài sản (270=100+200)	270		599,082,035,779	402,334,482,375
A. Nợ phải trả (300=310+330)	300		203,681,222,811	86,981,578,974
<i>I. Nợ ngắn hạn</i>	<i>310</i>		<i>64,991,309,362</i>	<i>35,199,025,525</i>
<i>II. Nợ dài hạn</i>	<i>330</i>		<i>138,689,913,449</i>	<i>51,782,553,449</i>
B. Vốn chủ sở hữu (400=410+430)	400		395,400,812,968	315,352,903,401
<i>I. Vốn chủ sở hữu</i>	<i>410</i>	<i>V.15</i>	<i>395,400,812,968</i>	<i>315,352,903,401</i>
C. Lợi ích cổ đông thiểu số				
Tổng cộng nguồn vốn (440=300+400)	440		599,082,035,779	402,334,482,375

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Chỉ tiêu	M số	T.m	30/06/14	31/12/13
5. Ngoại tệ các loại				
- USD			530,352.72	22,980.91
- EUR			73.41	46.02



Vũ Ngọc Sơn

Trưởng phòng TCKT

Phạm Thị Hồng Nhung

Ngày 22 tháng 7 năm 2014

Lập biểu

Trần Thanh Hào

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH (Xếp dỡ)**6 tháng đầu năm 2014**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	T.minh	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		111,780,347,321	66,231,708,459
2. Doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập khác	31		1,779,293,125	1,838,657,666
3. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		53,781,914,952	40,364,411,297
4. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		47,580,289,567	40,364,411,297

**Tổng giám đốc**

Vũ Ngọc Sơn

Trưởng phòng TCKT

Phạm Thị Hồng Nhung

Ngày 22 tháng 7 năm 2014

Người lập biểu

Trần Thị Thanh Hảo